

VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ Ở VÙNG NGƯỜI HÔNG BẮC HÀ

NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Kinh tế - xã hội ở vùng người Hông Bắc Hà muốn phát triển đòi hỏi phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Việc xác định cơ cấu kinh tế ở Bắc Hà hợp lý, có ý nghĩa quan trọng trong việc sử dụng nguồn lực và giải phóng nguồn lực. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Bắc Hà không chỉ nhằm phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân mà còn góp phần bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường thiên nhiên, đảm bảo cân bằng hệ sinh thái. Vì vậy có thể xác định chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một vấn đề bức xúc, là chìa khoá phát triển kinh tế - xã hội vùng người Hông.

Cơ cấu kinh tế vùng người Hông ở Bắc Hà là một tổng thể các mối quan hệ kinh tế trong khu vực, có mối quan hệ hữu cơ với nhau theo những tỉ lệ nhất định về mặt lượng và liên quan chặt về mặt chất. Chúng tác động qua lại lẫn nhau trong không gian và thời gian nhất định, phù hợp với những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, tạo thành một hệ thống kinh tế.

Cơ cấu kinh tế truyền thống của người Hông ở Bắc Hà là kinh tế nông nghiệp với cơ cấu bao gồm trồng trọt (trồng ngô, lúa nương là chủ yếu), chăn nuôi, thủ công nghiệp... Trong đó, trồng trọt gần như chiếm địa vị trọng yếu, chăn nuôi, nghề thủ công, trao đổi hàng hoá... chỉ đóng vai trò hỗ trợ. Kinh tế cổ truyền mang nặng tính chất tự cung tự cấp. Từ năm 1986, kinh tế vùng người Hông ở đây có xu thế chuyển dịch. Sự thâm nhập các hoạt động phi nông nghiệp (dịch vụ) vào nông thôn đã chuyển dịch dần, lao động nông nghiệp thuần tuý cổ truyền sang các dạng hoạt động khác. Đặc biệt ngay trong ngành trồng trọt, bên cạnh việc trồng lương thực, người Hông đã coi trọng nghề làm vườn với trồng cây ăn quả, cây dược liệu. Vậy thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn vùng người Hông trong 10 năm qua (1986 - 1996) diễn ra như thế nào?

I. THỰC TRẠNG QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG NGƯỜI HÔNG BẮC HÀ (1986 - 1996)

1. Cơ cấu ngành trồng trọt

Năm 1986, khảo sát 100 hộ gia đình người Hông ở Bắc Hà nhận thấy nông nghiệp vẫn mang nặng tính độc canh, ngành trồng trọt chiếm tỷ trọng rất lớn, chiếm từ 93% đến 95,6% tổng thu nhập người dân. Năm 1995, trồng trọt còn chiếm 78% đến 81%. Trong ngành trồng trọt thì cây lương thực vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất (xem biểu 1).

Cơ cấu ngành trồng trọt với vị trí chủ đạo của cây lương thực còn thể hiện ở sự phân bố trí diện tích đất canh tác (xem biểu 2).

Như vậy, diện tích lương thực vẫn chiếm ở vị trí chủ đạo. Năm 1991 chiếm 88,11%, năm 1993 chiếm 84,80% và năm 1995 còn chiếm 79,34% diện tích đất gieo trồng. Tuy nhiên sau 5 năm, diện tích đất lương thực có xu hướng giảm gần 9%. Trong khi đó diện tích cây ăn quả tăng khá nhanh. Năm 1991 toàn huyện diện tích cây ăn quả mới chiếm 2,8% thì năm 1995 tăng lên 11,72%. Do điều kiện địa hình không thuận lợi, diện tích đất dốc trên 20° chiếm số lượng lớn, nên ảnh hưởng mạnh đến cây lương thực. Năm 1995, trong tổng số 11.847 ha trồng lương thực chỉ còn 2.117 ha lúa nước còn lại

là đất nương rẫy trồng ngô và lúa nương (ngô: 7.087 ha, lúa nương có 2.643 ha). Cơ cấu đất trồng cây lương thực ở Bắc Hà phần chủ yếu là đất trồng khô (lúa nương, ngô). Diện tích ruộng nước rất ít. Đặc biệt hệ số sử dụng đất ở đây còn rất thấp, phổ biến mỗi năm chỉ làm một vụ. Nhờ áp dụng cơ cấu giống mới nên năng suất lương thực ở Bắc Hà tăng nhanh (xem biểu 3).

Biểu 1: Tỷ trọng ngành trồng trọt trong nông nghiệp ở Bắc Hà

Đơn vị: %

	1992		1995	
	Toàn tỉnh	Bắc Hà	Toàn tỉnh	Bắc Hà
Tổng số	100	100	100	100
Trồng trọt	70,34	84,5	73,95	80,7
Cây lương thực	52,69	66,5	54,04	68,00
Cây công nghiệp	7,80	8,5	9,21	2,00
Cây ăn quả	4,45	9,5	4,12	10,7
Cây khác	5,40	0	6,58	0

Nguồn: Cục Thống kê Lào Cai

Biểu 2: Diện tích một số cây trồng ở Bắc Hà

Đơn vị: ha

Diện tích nhóm này	1991	1993	1995
Tổng diện tích gieo trồng	14.850	15.042	14.930
- Lúa	5.278	5.204	4.760
- Ngô	7.807	7.553	7.087
- Đậu tương	1.347	1.410	1.333
- Cây ăn quả	417	875	1.750

Nguồn: Cục Thống kê Lào Cai

Biểu 3: Năng suất lương thực ở Bắc Hà

Đơn vị: Tạ/ha

Cây lương thực	1987	1991	1995	Tỷ lệ tăng
Lúa ruộng	24,5	26,1	26,5	108%
Lúa nương	13,8	14,2	14,5	105%
Ngô	12,72	13,3	14,9	117%

Nguồn: Phòng Thống kê Bắc Hà

Trong đó, năng suất ngô tăng cao nhất (117%). Do áp dụng cơ cấu giống mới, năng suất lương thực tăng, nên tổng sản lượng lương thực cũng tăng. Năm 1991, toàn huyện đạt tổng sản lượng lương thực là 19.925 tấn đến năm 1995 đạt 21.084 tấn. Tuy nhiên do mức tăng dân số vẫn còn cao (năm 1992 là 3,9%, năm 1994 là 3,3%), nên diện tích đất lương thực bình quân theo đầu người có xu hướng giảm, sản lượng lương thực quy thóc bình quân đầu người cũng giảm (xem biểu 4).

Biểu 4: Diện tích, sản lượng lương thực bình quân theo đầu người

	1985	1987	1991	1995
Diện tích bình quân đầu người (ha/người)	0,190	0,180	0,205	0,173
Sản lượng bình quân đầu người(kg/người)	391	377	312	309

Nguồn: Phòng Thống kê Bắc Hà.

Tỷ trọng lương thực trong trồng trọt có giảm nhưng tỷ trọng cây ăn quả, cây đậu tương, cây chè tăng khá nhanh, nhất là cây ăn quả (xem biểu 5).

Biểu 5: Diện tích cây công nghiệp

Đơn vị: ha

Loại cây \ Diện tích cả năm	1987	1991	1996	Tỷ lệ phát triển(%)
Cây ăn quả	89	417	1950	
Đậu tương	100	1347	1338	
Chè	35	105	139	

Nguồn: Phòng quản lý sản xuất Bắc Hà

Sản lượng cây ăn quả tăng nhanh. Năm 1987 có 80 tấn, đến năm 1995 có 1450 tấn, năm 1996 có 2700 tấn, năm 1997 có 3000 tấn. Năm 1987 có 500 tấn đậu tương đến năm 1995 tăng lên 760 tấn. Sản lượng chè năm 1987 chỉ có khoảng 2-3 tấn chè hàng hoá, đến năm 1995 có 15 tấn chè hàng hoá.

Sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng đã tác động mạnh mẽ đến các xã người Hmông, tạo sự chuyển đổi cây trồng ngay tại từng hộ gia đình. Đầu thập kỷ 80, diện tích đất nông nghiệp của 14 xã có 100% đồng bào Hmông cư trú chủ yếu chỉ trồng lương thực (ngô và lúa nương) còn cây ăn quả, cây chè diện tích trồng không đáng kể. Nhưng năm 1993, cơ cấu diện tích đất trồng đã thay đổi. Bên cạnh diện tích đất trồng lương thực đã xuất hiện diện tích đất trồng cây ăn quả và chè (xem biểu 5). Một số xã đã xuất hiện vùng cây ăn quả, cây chè tập trung có sản lượng hàng hoá lớn. Điển hình là vùng mạn ở Bản Phố, Thái Giàng Phố, Cán Cẩu, Tả Ván Chư, Lâu Thí Ngài, Quan Thân Sán... Hoặc vùng chè Sdrral đặc sản ở Hoàng Thu Phố, Nàn Sín. Cả vùng chè phát triển khá nhanh, năm 1996 so với năm 1987, diện tích chè tăng gấp 4 lần. Riêng ở xã Hoàng Thu Phố đã xuất hiện một số gia đình có diện tích chè lớn, thu nhập từ chè đã chiếm đến 57% tổng thu nhập của gia đình.

Như vậy, sự chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong ngành trồng trọt ở Bắc Hà đã xuất hiện nhưng tốc độ chuyển dịch còn chậm. Diện tích cây lương thực vẫn chiếm vị trí chủ đạo. Một số sản phẩm trồng trọt có thị trường trong nước còn rất lớn như mạn Tam hoa, mạn hậu, mơ, rau xanh sạch, dược liệu ... nhưng diện tích ở Bắc Hà vẫn còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa có công nghệ bảo quản, chế biến, do hạn chế về khả năng vận chuyển từ vùng nguyên liệu sản phẩm đến thị trường... Chính vì các nguyên nhân này nên đầu vụ mạn Tam hoa năm 1997, giá mạn hạ thấp chưa từng có. Bình quân hàng năm giá 1 kg mạn gấp 1,5 đến 2 lần giá 1 kg lương thực nhưng năm

1997 giá lợn chỉ bằng 1/3 giá 1 kg lương thực. Cây lợn được xác định như cây mũi nhọn nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã bị chững lại, khó có điều kiện phát triển nhanh mạnh nếu không có giải pháp thích hợp về công nghệ chế biến, vận chuyển. Trong khi đó, do sức ép của dân số, người Hmông vẫn mở rộng diện tích trồng lương thực trên đất dốc, ít hiệu quả.

2. Cơ cấu ngành chăn nuôi

Chăn nuôi ở Bắc Hà còn mang nhiều tính chất tự phát. Hầu hết các gia đình ở vùng người Hmông đều tham gia chăn nuôi ở quy mô nhỏ, nhằm tự túc thực phẩm, giải quyết sức kéo, vận chuyển hàng hóa, một phần nhỏ sản phẩm dư thừa được đưa ra trao đổi ở ngoài thị trường. Tỷ lệ chăn nuôi năm 1992 ở Bắc Hà chiếm 28,6% thì đến năm 1996 chỉ còn chiếm 20,05%. Tổng số đầu gia súc ở Bắc Hà cũng giảm.

Biểu 6: Số đầu gia súc ở Bắc Hà

Đầu gia súc	Đ.v: con	1991	1992	1993	1994	1995
Tổng đàn gia súc	con	48.649	47.858	47.534	45.397	39.552
Đàn trâu	con	14.141	13.937	13.074	12.786	11.558
Đàn ngựa	con	10.208	10.060	9.737	9.464	7.125
Đàn bò	con	831	824	827	775	819
Đàn lợn	con	23.487	22.837	23.894	22.372	20.050

Nguồn: Phòng Thống kê Bắc Hà.

Nguyên nhân suy giảm đầu gia súc có nhiều nhưng chủ yếu là do nhu cầu các sản phẩm chăn nuôi giảm. Những năm cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90, nhu cầu xuất khẩu trâu sang Trung Quốc (không qua đường chính thức) khá lớn, nhu cầu dùng sức kéo cũng đòi hỏi lớn nên số đàn trâu, ngựa còn đông. Từ năm 1993 đến nay, việc xuất khẩu trâu tạm dừng, nhu cầu sử dụng sức kéo cũng giảm (vì diện tích cây ăn quả tăng, người dân làm ruộng không phải làm đất). Nhu cầu sử dụng thịt tuy có tăng nhưng chủ yếu là tăng thịt bò. Do đó đàn bò được giữ nguyên và có xu hướng phát triển vì có thị trường tiêu thụ là thị xã Lào Cai. Nhưng sản phẩm thịt bò cũng phải cạnh tranh gay gắt với các huyện vùng thấp. Do đó đàn bò kéo có điều kiện tăng nhanh. Trong khi đó chất lượng đàn gia súc, nhất là đàn bò và lợn trọng lượng còn quá thấp. Trọng lượng bò khoảng trên một tạ, lợn xuất chuồng chỉ bình quân từ 30 đến 40 kg. Đàn lợn giống lai có trọng lượng cao chưa xuất hiện ở khu vực nông thôn. Do tập quán chăn nuôi mang tính chất tự nhiên, trâu bò ngựa, lợn thả rông, nên người Hmông chưa đặt ra việc tiếp cận với các quy trình công nghệ mới trong chăn nuôi. Công tác phòng bệnh và các dịch vụ phục vụ trong chăn nuôi chưa được coi trọng. Trung bình hàng năm dịch bệnh làm chết từ 700 đến 1.000 con gia súc. Cơ cấu đàn lợn chưa hợp lý. Tính đến 1-10-1996 đàn lợn nái chiếm 20% tổng đàn, trong khi đó chỉ cần từ 10-15%. Đàn gia cầm chủ yếu là gà, vịt nuôi trong gia đình với mục tiêu chủ yếu là cung cấp thức ăn trong các dịp lễ tết, tiếp khách... Do đó đàn gia cầm khá phát triển. Bắc Hà là một huyện có nhiều điều kiện phát triển ong nhưng hiện nay sản phẩm của loại này còn quá ít, không đáng kể.

Cơ cấu chăn nuôi vẫn mang nặng cơ cấu truyền thống. Cơ cấu chăn nuôi mới dưới tác động của cơ chế thị trường đã xuất hiện nhưng còn rất hạn chế. Nhiều loại gia súc là thế mạnh của Bắc Hà như bò, ong... có thị trường tiêu thụ nhưng lại chậm phát triển. Lao động trong chăn nuôi hiện nay ở Bắc Hà chỉ được coi là lao động phụ trong gia đình. Bắc Hà chưa xuất hiện các cơ sở chăn nuôi lớn, chưa có các đơn vị chuyên chăn nuôi. Quy mô chăn nuôi vẫn theo đơn vị gia đình. Người già, trẻ em lao động phụ là những người trực tiếp chăn nuôi.

3. Tiểu thủ công và nghề rừng

Các ngành thủ công truyền thống của người Hmông như dệt, rèn đúc... trong những năm gần đây có xu hướng giảm sút. Tỷ trọng thủ công nghiệp trong kinh tế nông thôn Bắc Hà rất thấp chỉ chiếm từ 0,5 đến 0,8%. Nguyên nhân chủ yếu là do khó khăn về nguyên liệu sản xuất (nghề rèn thiếu than, nghề dệt thiếu lanh...), do hàng Trung Quốc xâm nhập mạnh. Vì thế, từ trồng lanh, dệt vải nay nhiều người chuyển sang dùng loại vải công nghiệp in sáp ong của Trung Quốc.

Nghề trồng rừng ở Bắc Hà trong những năm gần đây có xu hướng phát triển nhanh. Diện tích đất và rừng giao cho từng hộ gia đình quản lý tăng từ 132 ha năm 1991 lên đến 3.100 ha năm 1995. Diện tích rừng trồng mới năm 1996 tăng gấp 5 lần so với năm 1991. Một số xã đã xuất hiện các gia đình có thu nhập cao từ trồng rừng. Nghề trồng rừng tuy là nghề mới ở vùng người Hmông nhưng nếu được đầu tư mạnh trồng rừng sẽ đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế vùng người Hmông. Trong kinh tế truyền thống, người Hmông phá rừng sản xuất lương thực nhưng hiện nay nhiều hộ đã chuyển sang trồng rừng, thu nguồn kinh phí đầu tư trồng rừng mua lương thực Tuy nhiên, với sức ép dân số, với sự đầu tư chưa cao nên sự chuyển dịch này diễn ra khá chậm chạp.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỚI QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ Ở VÙNG NGƯỜI HMÔNG BẮC HÀ

1. Đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Bắc Hà đã xuất hiện, tuy tốc độ chưa nhanh nhưng đã có kết quả khả quan, xuất hiện vùng trồng cây ăn quả đạt hiệu quả kinh tế. Nghề trồng rừng bước đầu xuất hiện trong cơ cấu kinh tế người Hmông.

- Kinh tế Bắc Hà có phát triển nhưng chưa vững chắc và đang ở điểm xuất phát thấp, nông nghiệp còn lạc hậu phân tán phụ thuộc vào thiên nhiên. Định hướng phát triển kinh tế cho các tiểu vùng còn lúng túng và thiếu vốn, chưa có cơ sở khoa học vững chắc cho từng tiểu vùng trồng cây gì. Công tác giao đất, giao rừng tiến hành còn chậm. Nghề rừng sẽ là thế mạnh của Bắc Hà nhưng chưa phát triển, chưa gắn việc trồng rừng với việc nâng cao đời sống người dân nên hiệu quả trồng rừng thấp. Tuy đã xuất hiện khu trồng cây ăn quả có giá trị kinh tế nhưng khâu chế biến bảo quản, gắn sản xuất với thị trường còn chưa coi trọng nên khó có điều kiện phát triển. Chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp có xu hướng giảm sút. Nhìn chung, về cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch nhưng còn rất chậm và chưa xác định hướng phát triển lâu dài, bền vững. Kinh tế nông nghiệp vẫn còn mang nặng tính chất tự cung tự cấp.

2. Những quan điểm cơ bản cần quán triệt trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn vùng người Hmông ở Bắc Hà

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải lấy tiêu chuẩn hiệu quả kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường là quan điểm cơ bản.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải phát triển sản xuất hàng hoá theo hướng công nghiệp hoá hiện đại hoá.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải sử dụng sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, tranh thủ hợp tác quốc tế, gọi vốn đầu tư, phải tạo thành phong trào quần chúng.
- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở một huyện biên giới phải gắn chặt với chiến lược bảo vệ an ninh quốc phòng.

3. Định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng người Hmông ở Bắc Hà từ nay đến năm 2000 và 2010

a. Đối với sản xuất nông nghiệp

Trong giai đoạn 1996-2010 việc thay đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp phải theo hướng sản xuất hàng hoá gắn liền với các tiểu vùng sinh thái của huyện, khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai, đẩy mạnh công tác định canh định cư đối với đồng bào Hmông.

Trong cơ cấu ngành trồng trọt, phấn đấu giảm bớt diện tích trồng cây lương thực vì trồng cây lương thực, ngô, lúa nương, trên đất dốc hiệu quả kinh tế không cao và làm suy thoái nhanh đất trồng, tác động tiêu cực đến môi trường. Bên cạnh vấn đề thâm canh, mở rộng diện tích ruộng nước, rất coi trọng đưa cơ cấu giống mới nhằm tăng vụ, tăng loại cây trồng thích hợp với mùa đông. Đặc biệt coi trọng phát triển các loại cây ăn quả, cây công nghiệp tập trung, bảo đảm có một khối lượng sản phẩm hàng hoá lớn phục vụ cho công nghiệp chế biến. Mục tiêu cụ thể từ nay đến năm 2000 là tăng năng suất lương thực, đạt tổng sản lượng lương thực quy thóc là 25.000 tấn, bình quân đầu người đạt từ 330 kg đến 350 kg/năm. Toàn huyện Bắc Hà trồng 3.000 ha mạn Tam hoa, mạn hậu, đào, lê, sản lượng hàng hoá quả tươi đạt từ 10.000 tấn - 12.000 tấn, sản xuất 50 tấn chè khô hàng hoá, 250 - 300 tấn đường mía. Trong chăn nuôi, nâng cao tỷ trọng chăn nuôi đạt mức tăng trưởng 52.000 con gia súc, đưa đàn bò lên 2.000 con.

b. Đối với sản xuất lâm nghiệp

Lâm nghiệp là thế mạnh của Bắc Hà. Diện tích đất trồng đồi núi trọc có khả năng trồng rừng còn rất lớn, có tới 51.1968 ha/tổng số 92.312 ha đất tự nhiên. Bởi vậy mục tiêu của Bắc Hà từ nay đến năm 2000 và 2010 là phải tìm cách khai thác thế mạnh của lâm nghiệp, phải làm cho người Hmông thực sự dựa vào nghề rừng để sinh sống làm giàu. Tập trung đầu tư vào trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng sản xuất. Phấn đấu trồng rừng mới bình quân 3.500 ha/năm, nhằm mục tiêu đến năm 2000 nâng tỷ lệ tán che phủ lên 30% và năm 2010 là 60%.

Bên cạnh sản xuất nông lâm nghiệp, Bắc Hà cần tập trung xây dựng các trạm chế biến hoa quả, sơ chế chè với quy mô thích hợp. Đặc biệt coi trọng dịch vụ du lịch, xác định du lịch là một lợi thế của huyện. Năm 2000 đón 10.000 khách, năm 2010 đón 100.000 khách. Phát triển một số ngành nghề thủ công truyền thống, khuyến khích mở rộng thêm một số ngành nghề mới.

4. Các giải pháp chủ yếu

Nhằm thực hiện phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đồng bào Hmông ở Bắc Hà cần tiến hành các giải pháp mang tính chất tổng thể. Trong đó cần chú ý các giải pháp sau:

a. Xây dựng và phát triển các tiểu vùng chuyên canh nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến của tỉnh: Xây dựng các dự án phát triển vùng cây ăn quả dọc theo tuyến Tả Chải đến Cán Cấu với các cây chủ lực là mận Tam hoa, mận hậu, đào, lê.

- Xây dựng vùng chuyên canh chè tuyết đặc sản ở Hoàng Thu Phố, Nàn Sín với quy mô 500-1.000ha.

- Xây dựng vùng chuyên canh quế ở khu vực Nậm Khánh, Nậm Lức, Cốc Lầu.

b. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất trong nông thôn, đặc biệt khuyến khích kinh tế hộ gia đình phát triển theo hướng kinh tế trang trại.

c. Quy hoạch, bố trí lại dân cư trên địa bàn toàn huyện, coi trọng việc chuyển cả một số hộ sang các huyện bạn, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện tốt định canh định cư, phấn đấu đến năm 2000 chấm dứt du canh, du cư cho 30% số người trong diện vận động và đến năm 2005 xoá bỏ tình trạng du canh du cư ở Bắc Hà.

d. Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Nâng cấp đường trục Bắc Hà - Si Ma Cai, phát triển mạng lưới giao thông nông thôn, đến năm 2000 có 80% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã, mở rộng tuyến đường từ Na Lo đi Bản Liền, Nậm Môn sang Cao Sơn và từ Si Ma Cai đi Sín Chéng, Bảo Nhai - Bản Cái.

- Đầu tư xây dựng đường dây tải điện 35 KV từ làng Phình đi Si Ma Cai, khuyến khích nhân dân lắp thuỷ điện nhỏ, phấn đấu đến năm 2000 có 40% số dân trong huyện được dùng điện. Tập trung xây dựng trạm thuỷ điện Hoá Chu Phùng công suất 100 KW.

- Đầu tư xây dựng các công trình trung và tiểu thuỷ nông ở vùng thượng và hạ huyện nhằm mở rộng diện tích ruộng nước, tăng thâm canh lương thực. Đồng thời có biện pháp xây dựng các bể nước chứa nước mưa có mái hứng cho các hộ gia đình với mức 6m³/hộ 5 người và 12m⁴/hộ 10 người trở lên. Xây các bể thu từ các mạch nước ngầm, tạo vị trí khai thác nước đầu nguồn sông chảy vào các suối, đảm bảo chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt cho người Hmông từ 30 đến 40 lít/ngày.

- Xây dựng các thị trấn huyện lỵ và các thị tứ trung tâm của tiểu vùng như Bảo Nhai, Lùng Phình, Si Ma Cai, Sín Chéng, Cốc Ly.

đ. Chú trọng phát triển sự nghiệp giáo dục-văn hoá-y tế:

- Phát triển hệ thống trường bán trú, củng cố hệ thống trường nội trú, phấn đấu đến năm 2000 huy động 65-70% trẻ em người Hmông đến tuổi đến trường đi học, tăng cường công tác xoá mù chữ và đến năm 2010 chỉ còn 10% số người mù chữ.

- Đảm bảo 100% số xã có trạm y tế, tích cực hạ tỷ lệ phát triển dân số xuống 2,3% năm 2000.

- Tăng cường xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hoá dân tộc, phấn đấu đến năm 2000 có 40% số dân được xem truyền hình.

e. Đa dạng hoá các biện pháp tạo nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài: kết hợp biện pháp huy động tiên nhân rồi trong dân (nhất là vùng chuyên canh cây ăn quả) với tăng nguồn thu, tranh thủ gọi vốn đầu tư của nước ngoài bằng nhiều hình thức: viện trợ của các tổ chức phi chính phủ, kêu gọi nguồn vốn FDI, ODA...

g. Mở rộng thị trường cho các sản phẩm hàng hoá chủ yếu là hoa quả bằng các biện pháp khai thác thị trường của các thành phố, các tỉnh phía Nam tiến tới chế biến xuất khẩu.

h. Đẩy mạnh công tác ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, coi trọng các biện pháp áp dụng giống mới thâm canh trên đất dốc, và các biện pháp phòng chống sâu bệnh, chế biến, sơ chế các sản phẩm hàng hoá: hoa quả, chè, đậu tương...

i. Đổi mới một số chính sách vĩ mô của Nhà nước:

- Chính sách thuế: nhằm giúp đồng bào Hmông nhanh chóng phát triển kinh tế, thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chúng tôi kiến nghị Nhà nước bổ sung một số điểm trong chính sách thuế. Bắc Hà trồng rừng là nhiệm vụ trọng yếu, trồng rừng với vấn đề bảo vệ môi trường và gắn liền với nhiệm vụ định canh định cư. Do đó đất trồng rừng nên miễn thuế, đất sản xuất nông nghiệp cùng hạng chỉ tính mức thuế bằng 1/3 đến so với nông thôn vùng đồng bằng.

- Chính sách đất đai: kiến nghị Nhà nước thể chế hoá 5 quyền giao đất cho nhân dân nhằm tạo điều kiện thuận lợi tiến hành giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận đất của các gia đình.

- Chính sách đầu tư: Bắc Hà là một huyện vùng cao gặp rất nhiều khó khăn, đề nghị Nhà nước có biện pháp tăng nguồn đầu tư lớn vào vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng và trọng điểm là đầu tư thoả đáng cho giao thông - điện nước, xoá mù chữ và phổ cập tiểu học.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng người Hmông là một vấn đề trọng tâm nhằm phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy cần có quan tâm đầu tư thực hiện sự chuyển dịch này.

LỄ HỘI CỦA NGƯỜI.....(tiếp trang 50)

vai trái đồng thời đánh về phía sau cũng nhịp 1. Cứ như vậy chuyển trước sau- trước sau đếm nhịp 1-2-3-4-5-6-7-8, Mỗi lần đánh vai và chân lại nhún đồng thời theo tiết tấu của phần chân, nhún đều.

Động tác phối hợp toàn thân: Múa đếm theo nhịp 8, chân phải làm trụ, chân trái bước lên phía trước mặt một bước chéo (đếm 1-2) vào nhịp 3-4, chân trái đạp tại chỗ làm trụ, ngửa người về đằng sau, chân phải làm trụ. Chân phải làm trụ vừa đứng thế (Đờ mi li e) đồng thời tay để theo thế 1, khuỷu tay tròn, kết hợp đánh vai về phía trước mặt, vai trái đánh về sau, chân trái xoay người hướng theo 45°. Chân trái bước nhịp 2 khoảng 0,20m đổ người theo chân trái rồi chân trái làm trụ, chân phải bước lên phía trước mặt một bước. Trọng lượng lại chuyển theo chân phải và đổ theo chân phải hết nhịp 1 - 2, đồng thời nhịp 3-4, chân trái dậm tại chỗ 1 nhịp, chân phải lại kéo về đằng sau, chân trái đằng trước. Chân phải Đờ mi li e sau trọng lượng người lại đổ về đằng sau, chân phải làm trụ. Phối hợp vai phải đánh về trước mặt nhịp 1, vai trái đánh về đằng sau nhịp 2, mỗi bên đánh 4 lần. Khi múa mỗi động tác đưa về đằng trước mặt cúi xong hát mạnh đầu về đằng sau thật dứt khoát, người hướng trái 45°.